TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Tóm lược Bộ Bản Duyên (Phần 20) - Kinh Bồ tát Bản duyên

ISSN: 2734-9195 10:15 29/11/2026

Khi đặt lợi ích giải thoát và an lạc của chúng sinh lên trên hết, sự buông xả không còn là mất mát mà trở thành sức mạnh chuyển hóa cả người cho lẫn người nhận.

Bộ này gồm 8 phẩm

Phẩm 1. Tỳ - la - ma

Chủ đề: Bố thí ba-la-mật phải đi cùng tâm thanh tịnh, bình đẳng và chí nguyện cầu Phật đạo

Thuở quá khứ có một vị vua tên Địa Tự Tại, bản tính hung bạo, thường đem quân chinh phạt các nước láng giềng. Trong triều, người được vua tin tưởng nhất là vị tế tướng Bà-la-môn. Ông là người đức hạnh, thông suốt kinh điển, luôn lấy chính pháp làm nền tảng để giúp vua trị nước. Khi vị tế tướng qua đời, vua vô cùng đau buồn vì cho rằng mình đã mất đi cánh tay phải. Các đại thần liền tâu rằng vị tế tướng còn một người con tên Tỳ-la-ma. Tuy tuổi còn trẻ nhưng trí tuệ, đức hạnh và học vấn đều vượt trội, thông hiểu kinh điển, có lòng từ bi, khiêm hạ và luôn lấy lợi ích của chúng sinh làm mục đích. Ban đầu vua không tin, vì từ trước đến nay chưa từng nghe danh vị thanh niên này. Tuy nhiên, sau khi triệu vào cung và đối thoại, vua nhanh chóng nhận ra Tỳ-la-ma quả thật là người hiền đức. Đứng trước nỗi đau mất cha của nhà vua, Tỳ-la-ma không tìm cách an ủi bằng những lời cảm tính mà dùng giáo lý vô thường để khai thị. Ông chỉ rõ rằng sinh, già, bệnh, chết là quy luật chung của tất cả chúng sinh, từ vua chúa, trời, rồng, quỷ thần cho đến người thường đều không thể tránh khỏi. Cái chết không thể dùng tiền tài, quyền lực, thân thuộc hay lời cầu xin mà ngăn lại được. Người có trí hiểu được quy luật ấy sẽ không quá chìm đắm trong đau khổ.

Những lời nói chân thật và hợp chính pháp khiến nhà vua vô cùng khâm phục. Vua quyết định giao chức tế tướng cho Tỳ-la-ma để kế tục sự nghiệp của cha mình. Khi nhận trọng trách, Tỳ-la-ma không nghĩ đến địa vị hay quyền lực mà

chỉ suy nghĩ làm thế nào để vừa giúp vua trị nước, vừa không làm mai một chính pháp. Ông hiểu rằng người cầm quyền rất dễ rơi vào việc sử dụng hình phạt, chiến tranh, cưỡng ép dân chúng, từ đó tạo thêm nghiệp bất thiện. Vì vậy, ông quyết định dùng trí tuệ để chuyển hóa nhà vua từ gốc rễ. Tỳ-la-ma thẳng thắn khuyên vua rằng người lãnh đạo phải lấy lợi ích của muôn dân làm đầu. Thà nói lời chân thật dù bị oán ghét còn hơn dùng lời nịnh hót để được sủng ái. Thà giữ gìn chính pháp dù gặp khó khăn còn hơn đánh mất đạo lý để đổi lấy danh lợi. Nếu quốc vương và nhân dân cùng vun bồi phước đức thì đất nước sẽ an ổn lâu dài.

Nhà vua vui mừng tiếp nhận lời khuyên và hoàn toàn giao cho Tỳ-la-ma thực hiện việc giáo hóa. Từ đó, Tỳ-la-ma đi khắp các nước, khuyên các vua từ bỏ chiến tranh, bỏ các việc ác, chăm lo đời sống nhân dân, hộ trì Tam bảo và thực hành vô số thiện pháp. Các nước dần trở nên thái bình, nhân dân an cư lạc nghiệp. Sau khi thấy việc trị nước đã ổn định, Tỳ-la-ma tiếp tục suy nghĩ đến con đường giáo hóa sâu rộng hơn. Ông nhận ra rằng chỉ giúp người có cuộc sống đầy đủ vẫn chưa đủ; muốn cứu họ khỏi luân hồi thì phải dẫn dắt họ phát tâm cầu Vô thượng Bồ-đề. Muốn làm được điều đó, trước hết phải khiến họ khởi lòng tin. Ông liền xin vua mở một đại hội bố thí chưa từng có trong lịch sử. Theo lệnh vua, vô số của cải được tập trung: vàng bạc, châu báu, xe ngựa, voi ngựa, nhà cửa, quần áo, thức ăn, thuốc men, hương hoa, hương liệu, giường nằm, kho lẫm, trâu bò, thiếu nữ, người hầu… tất cả đều chuẩn bị để bố thí cho bất kỳ ai có nhu cầu. Tuy nhiên, trước khi trao tặng, Tỳ-la-ma nhiều lần nhắc nhở người đến nhận rằng tất cả tài sản đều là vật ngoài thân. Khi chết, không ai có thể mang theo cha mẹ, vợ con, thân quyến hay của cải. Chỉ có nghiệp thiện và nghiệp ác luôn đi theo mỗi người. Vì vậy, người nhận bố thí không nên chỉ vui vì có tài sản mà phải dùng những phương tiện ấy để tiếp tục tu tập và tạo phước. Sau khi mọi thứ đã chuẩn bị xong, Tỳ-la-ma lại tự quán sát tâm mình.

Ông phát nguyện rằng việc bố thí hôm nay tuyệt đối không nhằm cầu sinh lên cõi trời, không cầu làm Phạm thiên, không cầu danh tiếng, không cầu quả báo giàu sang, mà chỉ vì ba mục đích:

* Làm lợi ích cho tất cả chúng sinh
* Giúp họ đoạn trừ phiền não
* Thành tựu quả vị Phật trong tương lai

Mỗi loại vật đem bố thí đều được ông phát một đại nguyện tương ứng. Bố thí y phục để chúng sinh mai sau được mặc áo công đức; bố thí xe cộ để chúng sinh được ngồi đạo tràng; bố thí thiếu nữ để chúng sinh đoạn trừ ái dục; bố thí sữa bò để chúng sinh đời sau biết đem pháp vị nuôi dưỡng mọi người; bố thí châu

báu để chúng sinh đầy đủ các công đức của Như Lai. Toàn bộ hành động bố thí đều được chuyển hóa thành phương tiện giáo hóa hướng đến Phật đạo.

Đến lúc bắt đầu nghi lễ, Tỳ-la-ma cầm bình nước rửa tay theo nghi thức bố thí nhưng kỳ lạ thay nước lại không chảy. Ông lập tức tự xét lại mình chứ không trách người khác. Ông suy nghĩ liệu có phải trong hội còn việc sát sinh, có người không xứng đáng nhận vật cúng, hay chính tâm bố thí của mình chưa đủ thanh tịnh. Quan sát khắp hội chúng, ông phát hiện nhiều vị Bà-la-môn đang tranh giành của cải, khởi tâm tham lam, ganh ghét và sân hận. Có người chỉ nghĩ đến việc lấy được nhiều vàng bạc, trâu bò, thiếu nữ hơn người khác. Tỳ-la-ma hiểu ngay rằng nguyên nhân không phải do nghi thức, mà do tâm người thọ nhận bất thiện, khiến việc bố thí chưa được viên mãn. Ông liền phát khởi tâm đại từ rộng lớn hơn nữa, không còn phân biệt ai tốt ai xấu, ai xứng đáng hay không xứng đáng, chỉ một lòng vì tất cả chúng sinh mà nguyện thành Phật để cứu độ họ. Ngay khi tâm bình đẳng ấy khởi lên, nước trong bình lập tức tuôn chảy. Chứng kiến điều kỳ diệu đó, các Bà-la-môn vô cùng hổ thẹn. Họ buông bỏ tâm tham, xin quy y với Tỳ-la-ma và phát tâm tu tập bốn tâm vô lượng.

Sau khi mạng chung, họ đều được sinh lên cõi trời và còn khiến vô số chúng sinh khác phát tâm Bồ-đề. Phẩm kinh kết luận rằng giá trị của bố thí không nằm ở số lượng tài sản, cũng không ở việc lựa chọn người nhận là sang hay hèn, thân hay sơ, thiện hay ác. Điều quyết định chính là tâm bố thí. Khi bố thí hoàn toàn vì lợi ích của tất cả chúng sinh, không cầu báo đáp, không phân biệt người nhận và luôn hướng đến quả vị Phật, thì đó mới là Đàn ba-la-mật viên mãn của Bồ-tát.



Ảnh minh họa (sưu tầm)

Phẩm 2. Nhất thiết thí

Chủ đề: Bồ-tát bố thí không chỉ xả bỏ tài sản mà còn sẵn sàng xả bỏ chính thân mạng để bảo vệ chúng sinh và thành tựu đạo Bồ-đề

Thuở quá khứ có một vị quốc vương tên Nhất Thiết Thí. Ngay từ khi vừa chào đời, thái tử đã phát nguyện trước cha mẹ rằng tất cả châu báu, tài sản, thậm chí thân mạng của mình đều có thể đem bố thí vì lợi ích của muôn loài. Chính vì chí nguyện ấy mà vua cha đặt tên thái tử là Nhất Thiết Thí, nghĩa là người sẵn sàng ban cho tất cả. Từ nhỏ đến khi trưởng thành, thái tử luôn thực hành bố thí không hề gián đoạn. Sau khi kế vị, nhà vua cai trị đất nước bằng chính pháp, không xâm lược nước khác, không áp bức nhân dân, luôn thương yêu dân chúng như con một. Nhà vua mở kho lẫm cứu đói, ban phát y phục, thức ăn, thuốc men, tiền của, chăm lo cho người nghèo, kính trọng Sa-môn và Bà-la-môn, xem việc cứu giúp chúng sinh là niềm vui lớn nhất của mình.

Danh tiếng và công đức của vua lan truyền khắp nơi. Dân các nước lân cận nghe tin đều kéo đến xin nương nhờ, khiến dân số trong nước ngày càng đông. Các nước chung quanh vì thế dần thiếu nhân lực và đất đai, sinh lòng ganh ghét rồi liên kết đem quân xâm lược. Khi quân báo tin giặc đã kéo đến sát biên giới, các đại thần và tướng lĩnh đều xin xuất quân chống trả. Họ khẳng định chỉ cần vua ra lệnh thì sẽ dùng mọi binh khí đánh tan quân địch. Nhưng Vua Nhất Thiết Thí không đồng ý. Ngài nói rằng các nước đem quân sang chỉ vì muốn chiếm dân và của cải. Nếu vì bảo vệ bản thân mà gây chiến, khiến vô số người chết thì mình cũng tạo thêm nghiệp ác. Nhà vua thà xả bỏ ngai vàng còn hơn để chiến tranh xảy ra. Ngài dạy rằng của cải, đất nước đều là vật ngoài thân; vì giữ những thứ ấy mà sát hại sinh mạng thì sau khi chết chỉ chuốc lấy quả báo đau khổ. Các đại thần không nghe theo. Họ vẫn tự ý tập hợp quân đội nghênh chiến. Tuy nhiên vì không có vua chỉ huy nên nhanh chóng thất bại, quân địch tràn vào kinh thành. Lúc ấy, Vua Nhất Thiết Thí lặng lẽ rời cung điện, một mình đi sâu vào rừng núi.

Ở giữa núi rừng thanh vắng, nhà vua nhìn cảnh cây cối, chim muông, suối nước và cảm nhận sự an ổn của đời sống viễn ly. Ngài quán sát rằng tất cả tranh chấp ở thế gian đều bắt nguồn từ tham dục. Chúng sinh vì tham tài sản, quyền lực và dục lạc mà giết hại lẫn nhau, trong khi ai rồi cũng phải chịu già, bệnh và chết. Chỉ có đời sống thanh tịnh mới thật sự đem lại an lạc. Trong khi ấy, vua giặc sau khi chiếm được đất nước liền ban bố rằng bất cứ ai bắt hoặc giết được Vua Nhất Thiết Thí sẽ được trọng thưởng vô số vàng bạc. Đúng lúc đó có một vị Bà-la-môn nghèo khổ từ phương xa tìm đến. Gia đình ông bị vua nước mình vu oan, bắt giam và đòi nộp một số vàng rất lớn mới chịu tha. Nghe danh Vua Nhất

Thiết Thí nổi tiếng bố thí cứu người nên ông lên đường cầu cứu. Đi giữa đường, Bà-la-môn lạc vào khu rừng nơi nhà vua đang ẩn cư. Hai người gặp nhau nhưng chưa nhận ra thân phận của nhau. Nhà vua tiếp đãi ông bằng hoa quả, nước uống rồi hỏi nguyên nhân. Bà-la-môn kể lại toàn bộ câu chuyện: cả gia đình bị giam cầm, bản thân không còn nơi nương tựa, chỉ còn hy vọng gặp được Vua Nhất Thiết Thí để xin giúp đỡ. Nhưng khi nghe người đối diện cho biết Vua Nhất Thiết Thí đã mất nước và đang trốn trong rừng, mọi hy vọng của ông hoàn toàn sụp đổ. Ông đau đớn đến mức ngất lịm. Nhìn cảnh ấy, nhà vua vô cùng thương xót. Sau khi cứu tỉnh Bà-la-môn, ngài mới nói rõ thân phận thật của mình: “Ta chính là Vua Nhất Thiết Thí.” Bà-la-môn vô cùng kinh ngạc. Nhà vua tiếp tục nói rằng mình tuy không còn vàng bạc nhưng vẫn còn một tài sản quý giá nhất, đó là thân mạng. Vua giặc đang treo thưởng rất lớn cho ai bắt được mình.

Vì vậy, ngài đề nghị Bà-la-môn hãy trói mình đem nộp để nhận phần thưởng, dùng số vàng ấy cứu gia đình. Bà-la-môn nghe xong vô cùng xúc động và kiên quyết từ chối. Ông nói rằng nếu vì cứu gia đình mình mà đem vị minh quân giao cho kẻ ác thì đó là hành động bất nghĩa. Dù cả nhà phải chết ông cũng không thể làm điều ấy. Nhưng Vua Nhất Thiết Thí vẫn tha thiết khuyên ông. Ngài nói thân thể này vốn vô thường, sớm muộn cũng tan hoại. Nếu đem thân mạng đổi lấy mạng sống của nhiều người thì cái chết ấy có ý nghĩa vô cùng lớn. Một thân này có thể cứu được cả gia đình người khác thì hoàn toàn xứng đáng.

Cuối cùng, vì kính phục đại nguyện của nhà vua, Bà-la-môn chấp nhận đưa vua đến gặp vua giặc. Trên đường trở về kinh thành, nhân dân cũ của Vua Nhất Thiết Thí nhìn thấy đều vô cùng đau xót. Họ cho rằng Bà-la-môn là kẻ vô ơn, đem vị minh quân đi nộp để nhận thưởng. Mọi người đồng thanh cầu xin chư thiên hộ trì nhà vua. Khi tới trước mặt vua giặc, Bà-la-môn thưa rằng chính mình đã đưa Vua Nhất Thiết Thí đến. Vua giặc rất ngạc nhiên. Ông không hiểu vì sao một vị vua từng được muôn dân kính yêu lại tự nguyện đến nộp mình. Vua Nhất Thiết Thí liền kể rõ mọi việc: ngài tự nguyện hiến thân để Bà-la-môn nhận tiền thưởng cứu gia đình, chứ không phải bị bắt. Sau đó, nhà vua giảng giải cho vua giặc về bản chất của sân hận và tham dục. Ngài nói rằng mọi oán thù đều do tâm sân tạo ra. Thân này vốn chỉ là sự kết hợp của đất, nước, gió, lửa; cuối cùng đều trở về cát bụi. Vì một thân vô thường mà tạo thêm vô số nghiệp ác thì hoàn toàn không đáng. Ngài cũng chỉ rõ rằng người mang lòng sân hận trước hết tự thiêu đốt chính mình. Kẻ coi người khác là kẻ thù thật ra đang nuôi lớn kẻ thù trong chính nội tâm. Nếu biết buông bỏ sân hận thì cả hai bên đều được an ổn.

Những lời chân thành ấy khiến vua giặc vô cùng cảm phục. Ông lập tức đứng dậy đảnh lễ Vua Nhất Thiết Thí, thừa nhận mình là người tạo nhiều ác nghiệp, còn đối phương mới thật sự là bậc Pháp vương lấy chính pháp giáo hóa thế gian.

Ngay sau đó, vua giặc trao trả toàn bộ đất nước, xin quy y chính pháp và phát nguyện từ bỏ chiến tranh. Vua Nhất Thiết Thí không hề nuôi lòng oán trách. Ngài hoan hỷ tiếp nhận, giảng giải thêm giáo pháp cho vua giặc và ban thưởng cho Bà-la-môn đủ vàng bạc để chuộc người thân, giúp ông trở về quê hương. Phẩm kinh kết thúc bằng lời tán thán rằng Đàn ba-la-mật của Bồ-tát đạt đến chỗ viên mãn khi không chỉ xả bỏ của cải mà còn xả bỏ cả thân mạng. Đối với Bồ-tát, thân thể cũng chỉ là phương tiện cứu độ chúng sinh. Khi việc hy sinh bản thân có thể mang lại lợi ích lớn lao cho nhiều người và hướng họ đến chính pháp, Bồ-tát sẵn sàng thực hiện mà không hề tiếc nuối, không cầu danh tiếng hay phước báo, chỉ một lòng vì lợi ích của tất cả chúng sinh và con đường thành tựu Vô thượng chính đẳng chính giác.

Lời kết

Qua hai câu chuyện Tỳ-la-ma và Nhất Thiết Thí, tinh thần cốt lõi của hạnh bố thí Bồ-tát hiện lên rõ ràng qua những bài học sâu sắc. Tâm lực quyết định giá trị của sự cho đi. Của cải dù nhiều đến đâu hay hy sinh lớn đến mức nào cũng chỉ trở thành Đàn ba-la-mật khi khởi nguồn từ tâm thanh tịnh, bình đẳng, không phân biệt người nhận và không mưu cầu quả báo thế gian hay danh lợi cá nhân. Vật ngoài thân và thân mạng đều là phương tiện, từ tài sản, địa vị cho đến chính thân thể vô thường đều không phải là cứu cánh. Khi đặt lợi ích giải thoát và an lạc của chúng sinh lên trên hết, sự buông xả không còn là mất mát mà trở thành sức mạnh chuyển hóa cả người cho lẫn người nhận. Bố thí không chỉ dừng ở việc xoa dịu thiếu thốn trước mắt, mà còn mở lối cho người khác thấy được vô thường, buông bỏ tham sân và hướng về giác ngộ.

Tổng hợp: **Phạm Tuấn Minh**

***

Tài liệu tham khảo:

Soạn tập: Tôn giả Pháp Cứu, Hán dịch: Đời Ngô, Sa môn Khương Tăng Hội, Việt dịch: Quảng An, Giác Chính, Nguyên Trang, Tắc Phú, Diệu Quý, Hiệu đính: Định Huệ, Biên tập: Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang - (Bộ Bản Duyên, Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Viện Nghiên cứu Phật Học Việt Nam, Nhà xuất bản Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh)